

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TH
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2022/DS-ST
Ngày: 10 - 8 - 2022
V/v “t/c hợp đồng góp hụi và
hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
2. Bà Nguyễn Châu Kim Ngân

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An.

Ngày 10/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2022/TLST - DS ngày 13/6/2022 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST - DS ngày 25/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/QĐST-DS ngày 03/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp 1, xã Tân H, huyện TH, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

- Bà Trà Thị L (Luôn), sinh năm 1968

- Ông Lê Ngọc A, sinh năm 1962

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã Tân H, huyện TH, tỉnh Long An.

(Bà Th, bà L có mặt, ông A vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện cũng như lời trình bày tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày yêu cầu khởi kiện: Từ năm 2013 bà có tham gia hụi do bà Trà Thị L là chủ hụi, hụi mùa có hoa hồng, trong quá trình tham gia hụi bà

đã đóng hụi cho bà L như sau: Vào tháng 8/2013 (Âm lịch) bà đã đóng cho bà L 100.000.000đ, ngày 10/9/2014 (AL) đóng 30.000.000đ, ngày 10/9/2015 Al đóng 174.482.000đ và ngày 30/4/2015 (AL) là 28.000.000đ. Sau đó bà L tuyên bố vỡ hụi và không trả lại bà số tiền hụi đã đóng.

Vào ngày 20/5/2015 (AL) bà L có vay của bà 130.000.000đ, mục đích vay để làm kinh tế gia đình, khi vay không có làm giấy nợ. Tổng cộng số tiền nợ hụi và tiền vay là 462.482.000đ. Sau nhiều lần yêu cầu bà L trả nợ không được bà đã gửi đơn yêu cầu tổ hòa giải tổ 2, ấp 1, xã Tân H, huyện TH, tỉnh Long An yêu cầu bà L trả nợ. Tại buổi hòa giải ngày 25/10/2017 bà L thừa nhận tổng tiền hụi và tiền vay là 462.482.000đ và hứa mỗi tháng trả 5.000.000đ và mỗi vụ lúa đông xuân và hè thu trả mỗi vụ là 30.000.000đ và đồng ý phụ thêm lãi là 25.000.000đ. Bà đồng ý với phương thức trả nợ của bà L. Tuy nhiên từ năm 2017 cho đến nay bà L không thực hiện cam kết trả nợ. Do bà L chơi hụi và vay nợ để làm kinh tế gia đình nên bà khởi kiện yêu cầu bà L và chồng bà L ông Lê Ngọc A liên đới với bà L trả cho bà số tiền còn nợ là 462.482.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Th xác định từ khi chốt nợ đến nay bà L đã trả được 6.000.000đ nên bà đồng ý khấu trừ vào tiền nợ 462.482.000đ. Bà Th xác định bà L và ông A còn nợ lại là 456.482.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Th cung cấp: Biên bản hòa giải của Tổ hòa giải tổ 2, ấp 1, xã Tân H, huyện TH, tỉnh Long An ngày 25/10/2017.

***Bị đơn – bà Trà Thị L trình bày:**

Bà thống nhất với lời trình bày của bà Th về số tiền nợ hụi và nợ vay là 462.482.000đ, sau khi chốt nợ do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà xin được trả dần số tiền trên mỗi vụ lúa một năm hai lần trả 10.000.000đ. Chồng bà là ông Lê Ngọc A biết việc bà nợ hụi và nợ vay của bà đối với bà Th nên ông A cũng đồng ý cùng bà trả số nợ trên cho bà Th.

Đồng thời bà xác nhận chữ ký “Luôn” trong biên bản hòa giải ngày 25/10/2017 của tổ hòa giải tổ 2, ấp 1, xã Tân H, huyện TH, tỉnh Long An là do bà ký và tên Luôn hay Luôn đều cùng một người là bà.

- Bị đơn ông Lê Ngọc A được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông A theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vào ngày 13/6/2022, Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An thụ lý đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản” với bà Trà Thị L và ông Lê Ngọc A; Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã Tân H, huyện TH, tỉnh Long An làm phát sinh vụ án tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An theo quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Ngày 13/6/2022, các bên đương sự phát sinh tranh chấp khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An. Sau khi xem xét, đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và căn cứ vào Điều 429 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì vụ án trên còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Về tố tụng: Ông Lê Ngọc A là bị đơn trong vụ án, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập ông A đến Tòa án tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng ông A không đến. Công an xã Tân H, huyện TH đã xác nhận hiện nay ông Lê Ngọc A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Ấp 1, xã Tân H, huyện TH, tỉnh Long An và đang sinh sống tại địa phương. Như vậy, ông A có đăng ký hộ khẩu và đang sinh sống ở địa phương nhưng ông A cố tình vắng mặt tại các lần hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay để giải quyết vụ án mặc dù Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông A đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông A là phù hợp với các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[4] Về nội dung vụ án:

Từ năm 2013 bà Th có tham gia hụi do bà Trà Thị L làm chủ hụi, hụi mùa có hoa hồng, trong quá trình tham gia hụi bà Th đã đóng hụi cho bà L như sau: Vào tháng 8/2013 (Âm lịch) bà Th đã đóng cho bà L 100.000.000đ, ngày 10/9/2014 (AL) đóng 30.000.000đ, ngày 10/9/2015 Al đóng 174.482.000đ và ngày 30/4/2015 (AL) là 28.000.000đ. Sau đó bà L tuyên bố vỡ hụi và không trả lại bà số tiền hụi đã đóng.

Vào ngày 20/5/2015 (AL) bà L có vay của bà Th 130.000.000đ, mục đích vay để làm kinh tế gia đình, khi vay không có làm giấy nợ. Tổng cộng số tiền nợ hụi và tiền vay là 462.482.000đ. Sau nhiều lần yêu cầu bà L trả nợ không được bà đã gửi đơn yêu cầu tổ hòa giải tổ 2, ấp 1, xã Tân H, huyện TH, tỉnh Long An

yêu cầu bà L trả nợ. Tại buổi hòa giải ngày 25/10/2017 bà L thừa nhận tổng tiền hụi và tiền vay là 462.482.000đ và hứa mỗi tháng trả 5.000.000đ và mỗi vụ lúa đông xuân và hè thu trả mỗi vụ là 30.000.000đ và đồng ý phụ thêm lãi là 25.000.000đ. Bà đồng ý với phương thức trả nợ của bà L. Tuy nhiên từ năm 2017 cho đến nay bà L không thực hiện cam kết trả nợ mà chỉ trả được cho bà 6.000.000đ nên còn nợ lại 456.482.000đ. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đối chiếu nợ và thống nhất số tiền nợ hụi và nợ vay là 456.482.000đ. Do đó, căn cứ vào các Điều 463, 466, Điều 470 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản”.

Tại phiên tòa, bị đơn bà L thừa nhận còn nợ 456.482.000đ tiền nợ vay và nợ hụi, đồng thời ông A chồng bà L cũng biết được việc vay nợ và làm chủ hụi của Luôn và cũng đồng ý cùng bà L trả nợ. Nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà L xin trả dần mỗi năm 02 lần mỗi lần là 100.000.000đ (tính theo vụ lúa hè thu và đông xuân) cho đến khi hết nợ.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông A vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về tiền lãi: Bị đơn không yêu cầu tính lại lãi suất, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ liên đới trả nợ: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Th có yêu cầu bị đơn bà L và ông A liên đới trả số tiền còn nợ là 456.482.000đ. Bà L xác định đây là nợ riêng của bà nhưng tại phiên tòa bà thừa nhận ông A biết được số nợ này và đồng ý cùng bà trả nợ. Mặc khác trong suốt quá trình tố tụng, ông A không đến Tòa án không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu liên đới trả nợ của nguyên đơn.

Về phương thức trả nợ: Nguyên đơn không đồng ý với phương thức trả nợ của bị đơn. Xét thấy việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên buộc bị đơn bà L và ông A liên đới trả cho nguyên đơn một lần số tiền nợ 456.482.000đ ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ.

[4] Về án phí: Bị đơn ông Lê Ngọc A, sinh năm 1962 là người cao tuổi được miễn án phí theo điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nhưng ông A vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có đơn xin miễn án phí. Do đó, bà L và ông A có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là

22.259.280đ. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 288, 463, 466, 470, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm đ, Điều 12, Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th đối với bà Trà Thị L và ông Lê Ngọc A.

Buộc bà Trà Thị L và ông Lê Ngọc A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 456.482.000đ (Bốn trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng) phát sinh từ tranh chấp hui và hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị đơn ông Lê Ngọc A, sinh năm 1962 là người cao tuổi được miễn án phí theo điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nhưng ông A vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có đơn xin miễn án phí. Do đó, bà L và ông A có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.259.280đ (Hai mươi hai triệu, hai trăm năm mươi chín nghìn, hai trăm tám mươi đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả nguyên đơn 10.529.000đ (Mười triệu, năm trăm hai mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0011031 ngày 13/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TH, tỉnh Long An.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th và bị đơn bà Trà Thị L biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Lê Ngọc A vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện TH;
- Chi cục THADS huyện TH;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hương